**HƯỚNG DẪN CÁCH THỰC HIỆN BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

**I. ĐỐI VỚI BẢN KÊ KHAI LẦN ĐẦU, KÊ KHAI HẰNG NĂM VÀ KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ** *(áp dụng Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Các mục cần kê khai** | **Định hướng một số nội dung kê khai** |
| I. THÔNG TIN CHUNG | Ghi chi tiết thông tin cá nhân, vợ/chồng và con chưa thành niên tính tại thời điểm kê khai theo mẫu. |
| II. THÔNG TIN MÔ TẢ TÀI SẢN | - Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.  - Trường hợp tài sản (đất, nhà, xe…) đã mua bán nhưng chưa lập thủ tục sang tên vẫn phải kê khai, đồng thời giải trình, giải thích rõ ở mục “thông tin khác”. |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất | Thống nhất chỉ kê khai những thửa đất mà bản thân có quyền sử dụng được pháp luật công nhận (bao gồm cả thửa đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ).  - Trường hợp thửa đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ thì phải ghi rõ số Giấy CNQSDĐ, diện tích được cấp (ghi chi tiết từng loại đất) ngày tháng năm cấp, tên cơ quan cấp và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu Giấy CNQSDĐ cấp chung của nhiều người) và phải nêu rõ lý do ở mục “Thông tin khác”.  **-** Đối với trường hợp chưa được cấp Giấy CNQSDĐ thì diện tích thửa đất ghi theo số thực tế đo được; đồng thời:  + Nếu thửa đất do bản thân nhận sang nhượng thì kê khai thửa đất, trong đó ghi rõ vào mục Giấy CNQSDĐ là “chưa được cấp giấy” kèm lý do (ví dụ chưa làm thủ tục).  + Nếu thửa đất được tặng, cho thì chỉ kê khai khi có giấy tờ thể hiện việc tặng, cho quyền sử dụng đất; trường hợp chỉ có giấy ủy quyền thì nội dung ủy quyền phải thể hiện được ủy quyền tất cả các quyền cơ bản của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.  + Nếu thửa đất đang sử dụng/đang ở nhờ, ở chung, được cho mượn, cho thuê… thì không kê khai. |
| 1.1. Đất ở | - Kê khai đầy đủ các thông tin theo quy định của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.  - Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp trong cùng thửa đất có nhiều loại đất khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai thửa đất đó vào mục “Đất ở”, trong phần diện tích phải ghi rõ tổng diện tích và diện tích của mỗi loại đất; **Lưu ý:** không kê khai lại vào mục đất khác.  - Giá trị:  + Ghi rõ giá trị sang nhượng, mua bán (đơn vị VNĐ) tại thời điểm nhận sang nhượng, mua bán theo đúng hợp đồng mua bán kèm phí, lệ phí. Trường hợp giá sang nhượng được tính bằng vàng hoặc bằng đồng USD thì quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm sang nhượng.  + Trường hợp được tặng, cho thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm nhận tặng, cho và ghi kèm theo chữ “Giá trị ước tính” *(Ví dụ: Giá trị ước tính khoảng 500.000.000 đồng).*  + Trường hợp không thể xác định được giá trị vì lý do khách quan thì ghi rõ “Không xác định được giá trị” kèm theo lý do. **Lưu ý:** nếu lý do không hợp lý, khách quan sẽ được xem như kê khai không đầy đủ. |
| 1.2. Các loại đất khác | Kê khai tương tự như kê khai về đất ở |
| 2.1. Nhà ở | - Kê khai đầy đủ các thông tin theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.  - Trường hợp đang ở nhờ, ở chung, ở nhà được cho thuê (nhà của người khác) thì không kê khai.  - Về diện tích:  + Nhà ở riêng lẻ, biệt thự: Ghi rõ tổng diện tích (m2) sàn xây dựng của tất cả các tầng bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum.  + Căn hộ: Ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, cho thuê của Nhà nước. |
| 2.2. Công trình xây dựng khác | Kê khai những loại công trình xây dựng khác không phải là nhà ở như: công trình điện mặt trời, nhà nuôi chim yến, trạm BTS… vào mục này. |
| 3.1. Cây lâu năm | - Kê khai những loại cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm mà mỗi loại có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, gồm các loại: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát.  - Cây thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này (phải khai ở mục 3.2). |
| 3.2. Rừng sản xuất | Kê khai rừng sản xuất **là rừng trồng** bằng vốn chủ rừng tự đầu tư (vốn tự có, vốn vay, vốn liên doanh, liên kết...). |
| 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất | Kê khai những vật kiến trúc như giếng, hàng rào, cửa cổng, hòn non bộ… gắn với nhà ở nhưng không phải là công trình xây dựng khác đã kể trên, mỗi loại có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên thì kê khai tại mục này. |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên | Kê khai tất cả các kim loại quý đang sở hữu có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.  **Ví dụ:** *Có 02 chiếc nhẫn vàng, giá trị mỗi chiếc dưới 50 triệu nhưng tổng giá trị của 02 chiếc bằng 50 triệu trở lên thì phải kê khai.* |
| 5. Tiền | - Kê khai tất cả các khoản tiền theo mệnh giá VNĐ đang hiện hữu tại mốc kê khai mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:  + Tiền mặt;  + Tiền cho vay;  + Tiền trả trước (là số tiền đã chi trả một phần để mua một tài sản nào đó).  **Ví dụ:** *Ông A muốn mua một căn nhà với giá 05 tỷ đồng nhưng không có đủ tiền, ông A trả trước 01 tỷ đồng, còn lại vay trả góp 04 tỷ đồng. Số tiền 01 tỷ đồng này được gọi là tiền trả trước.*  + Tiền gửi tiết kiệm (gửi cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước): Bao gồm tiền trong các tài khoản thanh toán và các sổ tiết kiệm.  **Ví dụ:** *Tại mốc kê khai 30/11/2023, ông A có 20 triệu đồng trong thẻ ATM, có 05 triệu đồng đang cho bà B vay, có 01 số tiết kiệm chưa đáo hạn giá trị 20 triệu đồng và có 05 triệu đồng tiền mặt. Như vậy, tổng giá trị tiền ông A đang có là 50 triệu đồng nên phải kê khai tất cả các khoản tiền trên.*  - Đối với những loại tiền ngoại tệ cần phải ghi rõ số lượng và giá trị quy đổi sang mệnh giá VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm kê khai. |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá trị khác | - Kê khai theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.  - Kê khai số lượng và giá trị cổ phiếu, trái phiếu đã mua có tổng giá trị từ 50 triệu trở lên.  - Giấy tờ có giá trị khác, cụ thể như:chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc…  - Vốn góp: Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, bao gồm đầu tư trực tiếp (do người kê khai, vợ hoặc chồng của người kê khai trực tiếp đứng tên đầu tư) và đầu tư gián tiếp (người kê khai, vợ hoặc chồng của người kê khai tham gia góp vốn đầu tư thông qua một cá nhân hay tổ chức khác và do cá nhân, tổ chức khác đứng tên đầu tư, kinh doanh).  **Ví dụ:** *Người kê khai A cùng với ông B và C góp vốn kinh doanh 10 máy bán nước tự động có tổng giá trị là 01 tỷ đồng, trong đó ông A góp 400 triệu đồng. Như vậy ông A phải kê khai ở mục “6.3. Vốn góp” như sau:*  *6.3. Vốn góp:*  *- Hình thức góp vốn: Góp vốn trực tiếp đầu tư kinh doanh 10 máy bán nước tự động. Giá trị: 400 triệu đồng (tổng giá trị đầu tư là 01 tỷ đồng).* |
| 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) | - Kê khai theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.  - Kê khai theo mỗi loại tài sản mà tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.  **Ví dụ:** *Người kê khai A có 02 chiếc xe mô tô (01 chiếc hiệu Future 125, trị giá 30 triệu đồng; một chiếu hiệu Vision, trị giá 35 triệu đồng), tổng giá trị 02 chiếc xe môtô do ông A sở hữu là 65 triệu đồng nên phải kê khai*. |
| 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) | - Kê khai các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.  - Nguyên tắc kê khai tương tự như trên. |
| 8. Tài sản ở nước ngoài | Kê khai theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. |
| 9. Tài khoản ở nước ngoài | Kê khai theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. |
| 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai | - Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai mục này.  - Từ lần kê khai thứ hai trở đi phải kê khai toàn bộ các khoản thu nhập của người kê khai, của vợ/chồng và con chưa thành niên của người kê khai tính từ mốc thời điểm kê khai trước đó đến ngày 15/12 của kỳ kê khai hiện tại.  **Ví dụ:** *Ông A hoàn thành bản kê khai lần liền trước vào ngày 30/12/2022 (ông A thuộc diện kê khai hằng năm). Đến kỳ kê khai cuối năm 2023, do UBND tỉnh thống nhất lấy mốc ngày 15/12 hằng năm (Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 28/11/2023) là mốc chốt số liệu kê khai hằng năm, theo đó tổng thu nhập giữa hai lần kê khai của ông A sẽ tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày 15/12/2023. Sang năm 2024, tổng thu nhập giữa hai lần kê khai của ông A sẽ tính từ ngày 16/12/2023 đến ngày 15/12/2024.*  - Thu nhập gồm các khoản: Lương, phụ cấp, thưởng, thù lao, được cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, kinh doanh, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác. Nếu thu nhập là ngoại tệ hoặc tài sản khác thì ghi rõ giá trị và quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm kê khai.  - Kê khai riêng tổng thu nhập theo 04 nội dung:  (1) Tổng thu nhập của người kê khai: Ghi tổng thu nhập của người kê khai trong kỳ kê khai (không liệt kê chi tiết từng khoản).  (2) Tổng thu nhập của vợ/chồng người kê khai: kê khai tương tự như trên.  (3) Tổng thu nhập của con chưa thành niên, bao gồm con nuôi hợp pháp (nếu có): kê khai tương tự như trên.  (4) Tổng các khoản thu nhập chung: Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thành thu nhập của từng cá nhân thì ghi tổng thu nhập chung vào mục này. **Lưu ý:** *Phần này không phải là tổng của 03 thu nhập nêu trên*.  **Ví dụ:** *Ông A và vợ có 01 cửa tiệm tạp hóa, trong năm thu nhập phát sinh từ cửa tiệm tạp hóa này là 100 triệu đồng. Nếu ông A và vợ không thể xác định mỗi người chiếm bao nhiêu phần trong 100 triệu đồng này thì khoản thu nhập này được gọi là khoản thu nhập chung; do đó kê khai vào mục “Tổng các khoản thu nhập chung”.* |
| III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM | - Thể hiện đúng thể thức quy định trong Phụ lục  - Trường hợp nếu không có biến động về tài sản thì ghi rõ “Không có biến động” ngay sau tên mục III.  - Tại cột Tăng/giảm:  + Cột số lượng tài sản: Thêm dấu (+) nếu tài sản tăng kèm theo số lượng tài sản; thêm dấu (-) nếu tài sản giảm kèm theo số lượng tài sản *(Trừ mục 9 “Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai”)*.  **Lưu ý:** Không có dấu (+) hoặc (-) là sai thể thức.  + Cột giá trị tài sản, thu nhập: Thể hiện giá trị tài sản như đã kê khai tại Phần II. Đối với những tài sản giảm (ví dụ như đã bán, cho, tặng người khác…) không còn thể hiện tại Phần II thì giá trị giảm phải là giá trị đã kê khai trong bản kê khai trước đó, không phải là giá trị bán được (trường hợp bán tài sản) mà thể hiện số liệu này vào mục “9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai”.  **Ví dụ:** *Ông A có 01 thửa đất, giá trị lúc mua là 500 triệu đồng và đã thể hiện trong bản kê khai hằng năm năm 2022. Sang năm 2023, ông A bán thửa đất này được 02 tỷ đồng. Như vậy, tại cột giá trị tài sản, thu nhập của thửa đất giảm này cần thể hiện là “-500 triệu đồng”; còn số tiền bán đất 02 tỷ đồng thì ghi vào mục “9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai”.*  - Tại cột Nội dung giải trình: Giải thích rõ ràng, chi tiết nguồn gốc, lý do tăng, giảm tài sản; nội dung phải khách quan, hợp lý và chi tiết trên tinh thần tạo điều kiện để cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập dễ dàng thực hiện việc xác minh.  - Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (mục số 9, Phần III), đây là mục đặc thù nhất trong Phần III, không thể hiện biến động như với các mục khác nên thực hiện việc kê khai như sau:  + Cột số lượng tài sản để trống;  + Cột giá trị tài sản, thu nhập thể hiện dấu (+) kèm theo tổng thu nhập của 04 thu nhập cộng lại đã được kê khai tại mục số 10 Phần II;  + Cột nội dung giải trình: Thể hiện chi tiết từng khoản thu nhập phải kê khai (Lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác).  **Ví dụ cụ thể:** *Trong kỳ kê khai, ông A bán một thửa đất ở 100 m2 ở địa chỉ B, giá trị thửa đất lúc mua là 300 triệu, thu được 3.500 triệu; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 80 m2 tại chung cư C, giá mua 2.000 triệu và mua một ô-tô Toyota với giá 1.300 triệu, đăng ký biển kiểm soát 47A-655.xx. Thu nhập của ông A là 300 triệu (từ lương và các khoản phụ cấp là 200 triệu, thu nhập từ khám chữa bệnh 100 triệu); thu nhập của con chưa thành niên không có; thu nhập từ các khoản đầu tư của vợ là 800 triệu, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 700 triệu.*  Như vậy, ông A phải thực hiện kê khai như sau:  \* Tại mục 10 “Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai”, thuộc phần II “THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN” sẽ ghi là:  *10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 4.600 đồng*  *- Tổng thu nhập của người kê khai: 300 triệu đồng*  *- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 800 triệu đồng*  *- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không*  *- Tổng các khoản thu nhập chung: 3.500 triệu đồng”.*  \* Tại phần III “BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP;GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM” ông A phải ghi như sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Loại tài sản, thu nhập | Tăng / giảm | | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập | | Số lượng tài sản | Giá trị tài sản, thu nhập | | 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất  1.1. Đất ở  *- Bán thửa đất B* | *-100m2* | *300 triệu* | *Giảm do bán* | | 2. Nhà ở, công trình xây dựng  2.1. Nhà ở  *- Mua căn hộ tại Chung cư C* | *+80m2* | *2.000 triệu* | *Mua nhà từ tiền bán thửa đất B* | | 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay,… mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.  - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D | *+01 Sổ tiết kiệm* | *500 triệu* | *Tiết kiệm từ thu nhập* | | 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:  7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký  *- Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55* | *+01 chiếc* | *1.000 triệu* | *Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm* | | 9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. |  | *+4.600 triệu* | *- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 200 triệu;*  *- Thu nhập từ khám chữa bệnh 100 triệu;*  *- Thu nhập từ các khoản đầu tư của vợ 800 triệu;*  *- Tiền bán thửa đất B 3.500 triệu.* | |